

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6125
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

(Môn thi: KHTN (Vật lý chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100001	HÀ PHẠM BẢO AN	Nam	14/06/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Quý	0	0
2	61100006	NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	24/06/2011	THCS Trung An	0	0
3	61100038	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	31/05/2011	Trường THCS Hồng Phong	0	0
4	61100041	NGUYỄN HÙNG ANH	Nam	26/05/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
5	61100054	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	11/10/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0,5
6	61100065	PHÙNG NAM ANH	Nam	04/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61100077	VŨ QUANG ANH	Nam	13/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
8	61100090	LƯƠNG HẢI BẮC	Nam	29/04/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
9	61100097	NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	05/06/2011	TH-THCS Vũ Văn	0	0
10	61100101	PHAN BẢO CHÂU	Nam	19/09/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
11	61100121	NGUYỄN GIA CƯỜNG	Nam	12/07/2011	THCS 14-10	0	1,5
12	61100125	NGUYỄN HỮU ĐIỂN	Nam	05/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61100136	HÀ KHÁNH DUY	Nam	08/10/2011	THCS 14-10	0	1
14	61100140	VŨ TIẾN DUY	Nam	05/04/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
15	61100141	ĐẶNG TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	21/11/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
16	61100142	HỨA QUÝ DƯƠNG	Nam	03/07/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0,5
17	61100146	PHẠM MINH DƯƠNG	Nam	19/05/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
18	61100149	NGUYỄN VIỆT ĐĂNG	Nam	22/10/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
19	61100162	TRẦN PHÚ GIA	Nam	27/11/2011	THCS 14-10	0	0
20	61100175	ĐINH VIỆT HÀ	Nữ	15/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61100177	ĐOÀN THỊ THANH HÀ	Nữ	30/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	1,5
22	61100185	NGUYỄN VĂN HÀ	Nữ	27/04/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
23	61100188	PHẠM VIỆT HÀ	Nữ	16/11/2011	Trường THCS Minh Quang	0	0
24	61100194	VŨ THANH HÀ	Nữ	03/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6126
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

(Môn thi: KHTN (Vật lý chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100195	BUI CÁT HẢI	Nam	12/05/2011	THCS Tây Sơn	0	0
2	61100197	ĐOÀN TRUNG HẢI	Nam	16/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61100198	ĐỖ HOÀNG HẢI	Nam	13/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
4	61100215	ĐỖ MẠNH HIẾU	Nam	17/05/2011	Trường THCS Duy Nhất	0	0
5	61100230	NGÔ QUANG HÙNG	Nam	29/07/2011	THCS Tây Sơn	0	0
6	61100239	NHÂM KHÁNH HUYỀN	Nữ	01/10/2011	Trung Học Cơ Sở Phong Huy Lĩnh	0	0
7	61100254	MAI THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	10/01/2011	THCS Vũ Thư	0	0
8	61100266	NGUYỄN TRỌNG KHOA	Nam	19/07/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
9	61100272	BUI TRUNG KIẾN	Nam	26/12/2011	Trường THCS Phúc Khánh	0	0
10	61100275	NGUYỄN MINH KIẾT	Nam	30/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	1	0
11	61100276	PHẠM TUẤN KIẾT	Nam	26/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61100299	LƯƠNG NGỌC LINH	Nam	06/11/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
13	61100306	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	10/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
14	61100320	NGUYỄN CAO THÀNH LONG	Nam	01/01/2011	Trường THCS Minh Thành	0	1
15	61100324	LẠI ĐỨC LỘC	Nam	23/02/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
16	61100333	NGUYỄN TIẾN MẠNH	Nam	17/05/2011	THCS Trung An	0	0
17	61100339	ĐOÀN NHẬT MINH	Nam	16/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
18	61100344	NGÔ HÙNG MINH	Nam	25/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
19	61100345	NGUYỄN ANH MINH	Nam	11/03/2011	THCS Vũ Thư	0	0
20	61100351	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	22/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61100362	TRẦN BÁ MINH	Nam	22/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
22	61100363	TRẦN ĐỨC MINH	Nam	21/10/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
23	61100382	HOÀNG HẢI NAM	Nam	07/06/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
24	61100383	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	10/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

**KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027**

**DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6127
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

(Môn thi: KHTN (Vật lý chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100385	TRẦN BẢO NAM	Nam	18/05/2011	Trường THCS Duy Nhất	0	0
2	61100398	ĐỖ GIA NGỌC	Nam	01/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61100403	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	24/07/2011	Trường THCS Vũ Lạc	0	0
4	61100404	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	Nam	01/05/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
5	61100417	VŨ TRUNG NGUYÊN	Nam	22/09/2011	TH-THCS Vũ Văn	0	1
6	61100420	NGUYỄN THIÊN NHÂN	Nam	12/11/2011	THCS Trung An	0	0
7	61100424	NGUYỄN THẾ NHẬT	Nam	21/10/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
8	61100443	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	Nam	31/05/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
9	61100446	HOÀNG TUẤN PHONG	Nam	14/05/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
10	61100447	LÊ NGUYỄN NAM PHONG	Nam	11/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61100450	VŨ THANH PHONG	Nam	08/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61100451	VŨƠNG HẢI PHONG	Nam	29/08/2011	THCS Vũ Thư	0	0
13	61100454	ĐOÀN TRỌNG PHÚC	Nam	21/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
14	61100460	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	19/05/2011	Trường THCS Lê Danh Phương	0	0
15	61100461	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	20/11/2011	THCS Tây Sơn	0	0
16	61100462	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	21/03/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
17	61100478	NGUYỄN NGỌC MINH PHƯƠNG	Nữ	19/02/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
18	61100489	MAI TRỊNH HOÀNG SANG	Nam	10/03/2011	THCS 14-10	0	1
19	61100498	VŨ THIÊN TÂM	Nam	09/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61100503	HÀ THỊ THU THANH	Nữ	18/10/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
21	61100505	NGÔ GIA THÀNH	Nam	09/05/2011	THCS 14-10	0	1
22	61100508	PHẠM PHÚC THÀNH	Nam	11/06/2011	THCS Tây Sơn	0	0
23	61100525	ĐẶNG THÁI THỊNH	Nam	30/06/2011	Trường THCS Hoàng Diệu	0	0
24	61100536	TRẦN THU THỦY	Nữ	04/11/2011	Trường THCS Hồng Phong	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6128
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH

(Môn thi: KHTN (Vật lý chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100547	LIU NGOC HUYEN THUONG	Nữ	02/11/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
2	61100550	ĐỖ TRUNG TIẾN	Nam	10/01/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
3	61100557	NGUYỄN MINH TRANG	Nữ	18/10/2011	Trường THCS Trần Mai Ninh	0	0
4	61100563	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	19/01/2011	THCS Trung An	0	0
5	61100574	NGUYỄN VŨ KIỀU TRINH	Nữ	11/11/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
6	61100575	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Nam	30/01/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
7	61100578	PHẠM THANH TRÚC	Nữ	21/10/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
8	61100581	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	20/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
9	61100583	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	30/09/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
10	61100590	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	Nam	22/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61100592	PHẠM NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	11/11/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0,5
12	61100595	ĐẶNG SƠN TÙNG	Nam	26/08/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
13	61100597	NGÔ SƠN TÙNG	Nam	03/12/2011	THCS Tây Sơn	0	0
14	61100598	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	27/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
15	61100602	HOÀNG TÚ UYÊN	Nữ	07/05/2011	THCS Vũ Thư	0	0
16	61100610	PHẠM TRÍ VĨ	Nam	08/03/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
17	61100611	BÙI QUỐC VIỆT	Nam	28/01/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
18	61100613	LẠI THẾ VINH	Nam	18/01/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Xuyên	0	0
19	61100616	TRẦN HỮU PHÚC VINH	Nam	21/06/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
20	61100619	LÊ PHẠM HÀ VY	Nữ	02/07/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
21	61100628	LẠI TRƯỜNG VỸ	Nam	18/04/2011	Trường TH&THCS Tân Bình	0	0

Danh sách gồm: 21 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

